



zǔ fù mǔ

祖父母

noun · grandparents

Example Sentences

Wǒ de zǔ fù mǔ hěn cí xiáng

我的祖父母很慈祥。

My grandparents are very kind.

Tā měi gè zhōu mò dōu qù kàn wàng zǔ fù mǔ

他每个周末都去看望祖父母。

He visits his grandparents every weekend.

Trace each character, then write the word on your own.

祖	祖	祖	祖	祖	祖	祖	祖	祖	祖	祖
祖										
父	父	父	父	父	父	父				
母	母	母	母	母	母	母	母			